

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ Q  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST;  
Ngày: 13/4/2022;  
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Cao Thị Thu Thủy;**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà **Bùi Thị Thu Nhi;**

2/ Bà **Nguyễn Thị Kiều Hương;**

**- Thư ký phiên tòa:** Ông **Phạm Nhật Minh**, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tham gia phiên tòa:** Bà **Ngô Thị Cẩm Thuý** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2022/QĐXX-ST ngày 18/3/2022 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: **Chị Phạm Thị Bích A** - sinh năm: 1982;

Địa chỉ: Số 84 ấp M, xã N, thành phố Q, Tiền Giang.

\* Bi đơn: **Anh Nguyễn Thanh B** - sinh năm: 1976;

Địa chỉ: Số 84 ấp M, xã N, thành phố Q, Tiền Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Bích A trình bày: Chị và anh B sống chung vào năm 2000, do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Phong vào ngày 02/8/2001. Cuộc sống chung của vợ chồng chị rất hạnh phúc Cng năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi và anh B không quan tâm chăm sóc gia đình. Anh chị đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay, tuy sống chung một nhà Cng anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích C, sinh năm 2000 và Nguyễn Ngọc C D, sinh năm 2009. Chị C đã trưởng thành lao động được nên chị

không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện tại, cháu D đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu nuôi cháu D và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên chị không yêu cầu.

\* Bị đơn anh Nguyễn Thanh B vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị A.

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án cũng C tại phiên tòa. Về nội dung xét thấy mâu thuẫn giữa chị A và anh B là có thật, Tòa án đã triệu tập nhiều lần Cng anh B đều vắng mặt nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A; đối với yêu cầu nuôi con chung của chị A là có cơ sở và phù hợp với nguyện vọng của cháu D nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự.

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh B, giải quyết vấn đề con chung của anh chị, do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại Điều 51 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn đang cư trú tại số 84 ấp M, xã N, thành phố Q, tỉnh Tiền Giang nên Tòa án nhân dân thành phố Q có thẩm quyền giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Chị A có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai Cng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó căn cứ Điều 228 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, Tòa xét thấy: Chị A trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về cách sống, cách nghĩ và thường xuyên cự cãi nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh chị đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Tòa án đã triệu tập anh B nhiều lần nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn mối quan hệ vợ chồng Cng anh B vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A, qua đó cho thấy anh B không có thành ý cứu vãn mối quan hệ hôn nhân với chị A. Do đó, Tòa án xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu của chị A, cho chị A được ly hôn với anh B.

[5] Về con chung: Xét thấy cháu D đang sống ổn định với chị A, do đó yêu cầu nuôi con chung của chị A là có căn cứ và phù hợp với nguyện vọng của cháu D nên Tòa án chấp nhận.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị A khai không có nên Tòa án không xem xét.

[7] Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[8] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng các điều 147, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Bích A.

Về tình cảm: Chị Phạm Thị Bích A được ly hôn với anh Nguyễn Thanh B.

Về con chung:

- Giao cháu Nguyễn Ngọc C D, sinh ngày 08/01/2009 cho chị Phạm Thị Bích A được tiếp tục nuôi dưỡng.

- Anh Nguyễn Thanh B được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

2. Án phí: Chị Phạm Thị Bích A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004705 ngày 26/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND thành phố Q;
- Chi cục THADS thành phố Q;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn (8b).

(Đã ký)

**Cao Thị Thu Thủy**